

Số: 04/TB-MPC25

Cà Mau, ngày 27 tháng 01 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú thực hiện công bố thông tin Báo Cáo Tài Chính Công Ty Mẹ (BCTC) quý 4 năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú

- Mã chứng khoán: MPC
- Địa chỉ: Khu công nghiệp phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại liên hệ/Tel: (+84) 290-383-9391 Fax: (+84) 290-366-8795
- Email: minhphu@minhphu.com Website: <https://minhphu.com/>

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC Công Ty Mẹ quý 4 năm 2024

- ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- ☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 27/01/2025 tại đường dẫn: minhphu@minhphu.com

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Công Ty Mẹ quý 4 năm 2024
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	1/1/2024
1		2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		2,846,140,958,933	3,177,789,729,795
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)					
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	4	349,195,011,952	295,636,710,483
1. Tiền		111		61,195,011,952	67,599,710,483
2. Các khoản tương đương tiền		112		288,000,000,000	228,037,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		3,226,036,394	8,226,036,394
1. Chứng khoán kinh doanh		121	5(a)	8,806,789,411	8,806,789,411
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		122	5(a)	(5,580,753,017)	(5,580,753,017)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	5(b)	-	5,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		1,303,449,174,817	938,838,068,892
1. Phải thu khách hàng		131	6(a)	1,007,045,429,193	692,398,129,100
2. Trả trước cho người bán		132		52,489,757,317	28,520,834,529
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	7	170,700,000,000	141,983,309,684
6. Các khoản phải thu khác		136	8	73,213,988,307	75,935,795,579
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140	10	1,107,284,399,614	1,911,294,084,666
1. Hàng tồn kho		141		1,107,284,399,614	1,943,494,117,590
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		149		-	(32,200,032,924)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		82,986,336,156	23,794,829,360
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	11	3,602,036,750	3,536,210,142
2. Thuế GTGT được khấu trừ		152		74,540,245,805	18,725,689,395
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	12	4,844,053,601	1,532,929,823
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ : Khu công nghiệp P8, TP. Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ IV NĂM 2024

B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		4,667,387,006,303	4,393,442,379,649
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)					
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			(9,485,495,710)	(9,485,495,710)
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			-	-
4. Phải thu về cho vay dài hạn	214			-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215			-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	9		(9,485,495,710)	(9,485,495,710)
II. Tài sản cố định	220			214,198,579,977	208,804,675,014
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13		197,880,031,849	191,896,151,218
- Nguyên giá	222			634,051,735,152	609,995,191,496
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223			(436,171,703,303)	(418,099,040,278)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			-	-
- Nguyên giá	225			-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	14		16,318,548,128	16,908,523,796
- Nguyên giá	228			35,848,801,130	34,766,546,130
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			(19,530,253,002)	(17,858,022,334)
III. Bất động sản đầu tư	230			-	-
- Nguyên giá	231			-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	15		82,611,181,002	100,424,595,075
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			82,611,181,002	100,424,595,075
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			4,346,485,153,270	4,058,533,770,912
1. Đầu tư vào công ty con	251	5(c)		5,921,502,034,231	5,311,626,449,501
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5(c)		3,900,000,000	3,900,000,000
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253	5(d)		11,500,000,000	11,500,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	5(c)		(1,590,416,880,961)	(1,268,492,678,589)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260			33,577,587,764	35,164,834,358
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16		33,577,587,764	35,164,834,358
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270			7,513,527,965,236	7,571,232,109,444

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ : Khu công nghiệp P8, TP. Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ IV NĂM 2024

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		2,419,690,636,373	2,157,609,716,210
I. Nợ ngắn hạn		310		2,419,611,774,494	2,157,230,433,483
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	17(a)	136,929,622,757	106,354,903,474
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		241,564,671,378	65,300,175,299
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	9,342,099,886	5,692,712,453
4.	Phải trả người lao động	314		56,958,161,021	52,461,036,280
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2,426,725,516	2,402,638,008
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	19	299,408,567,613	14,754,679,976
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	1,627,445,939,754	1,874,070,145,202
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	45,535,986,569	36,194,142,791
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		78,861,879	379,282,727
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		78,861,879	379,282,727
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ : Khu công nghiệp P8, TP. Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ IV NĂM 2024

	D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5,093,837,328,863	5,413,622,393,234
I.	Vốn chủ sở hữu	410	22	5,093,837,328,863	5,413,622,393,234
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		4,009,383,000,000	3,998,873,000,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4,009,383,000,000	3,998,873,000,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		292,269,641,421	292,399,641,421
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	24	62,592,983,652	15,781,800,630
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	729,591,703,790	1,106,567,951,183
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		695,050,815,880	1,117,137,328,762
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		34,540,887,910	(10,569,377,579)
12.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7,513,527,965,236	7,571,232,109,444

Lập, ngày 25 tháng 01 năm 2025

Người lập



Lê Quang Huy

Kế toán tổng hợp

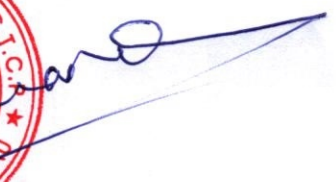


Lưu Minh Trung

Kế toán trưởng



Người duyệt



Lê Văn Điệp

Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	25	2,245,202,004,052	1,793,658,147,245	8,489,278,359,306	6,513,014,973,432
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		1,162,465,784	5,248,346,572	37,820,855,069	73,917,417,301
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10		2,244,039,538,268	1,788,409,800,673	8,451,457,504,237	6,439,097,556,131
4. Giá vốn hàng bán	11	26	2,129,254,260,403	1,648,671,867,014	7,853,547,925,733	5,841,713,375,515
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		114,785,277,865	139,737,933,659	597,909,578,504	597,384,180,616
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	28,754,423,616	60,794,184,283	396,976,909,824	253,109,968,476
7. Chi phí tài chính	22	28	126,977,690,854	118,949,859,645	450,168,003,330	478,678,638,072
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16,839,319,362	17,536,216,489	67,949,740,925	69,723,588,483
8. Chi phí bán hàng	25	29	95,048,710,377	75,371,411,361	416,950,687,617	288,613,948,408
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	24,889,658,988	25,529,596,841	99,288,273,958	96,581,405,015
10. Lợi nhuận thuần từ h.động kinh doanh (30=20+-(21-22)-(25+26)	30		(103,376,358,738)	(19,318,749,905)	28,479,523,423	(13,379,842,403)
11. Thu nhập khác	31		2,885,653,645	1,942,545,301	8,042,160,887	5,470,333,626
12. Chi phí khác	32		402,106,600	6,218,830	2,281,217,248	1,509,318,419
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2,483,547,045	1,936,326,471	5,760,943,639	3,961,015,207
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(100,892,811,693)	(17,382,423,434)	34,240,467,062	(9,418,827,196)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(393,524,106)	(300,420,848)	(1,150,550,383)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(100,892,811,693)	(17,775,947,540)	34,540,887,910	(10,569,377,579)

Lập, ngày 25 tháng 01 năm 2025

Người lập



Lê Quang Huy

Kế toán tổng hợp

Người duyệt





Kế toán trưởng

Lưu Minh Trung

Lê Văn Diệp

Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Stt	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ	
				NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		34,240,467,062	834,758,286,783
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		38,964,428,996	34,443,422,879
-	Các khoản dự phòng	03		289,724,169,448	274,640,630,971
-	Lãi lỗ từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	04		(1,221,821,000)	185,773,143
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		2,954,863,277	(54,240,803,563)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	06		(350,776,159,040)	(548,274,656,089)
-	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	07		67,949,740,925	38,819,342,387
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
	trước thay đổi vốn lưu động	08		81,835,689,668	580,331,996,511
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(398,197,785,866)	107,943,166,749
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		836,209,717,976	(1,134,775,686,310)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		199,666,821,927	629,774,399,579
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,521,419,986	(1,545,921,445)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(67,949,740,925)	(38,819,342,387)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(13,862,746,627)	7,500,000,000
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(41,670,955,876)	(48,215,760,123)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		597,552,420,263	102,192,852,574
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.5	(27,917,488,717)	(112,184,471,867)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,749,012,730	-
3.	Tiền chi cho vay, gửi kỳ hạn, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(172,100,000,000)	(26,000,000,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		143,383,309,684	369,000,000,000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(609,875,584,730)	(782,093,784,883)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		355,142,330,472	553,527,518,064
8.	Tiền thu từ đầu tư trái phiếu	28		5,000,000,000	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(304,618,420,561)	2,249,261,314

Stt	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ	
				NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.8	10,510,000,000	3,710,100,000
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, chi phí phát hành cổ phiếu của doanh nghiệp	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6,515,532,211,549	8,152,071,289,145
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6,764,703,221,893)	(7,299,787,447,757)
5.	Tiền chi khác hoạt động tài chính	35			-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(459,868,559,600)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(238,661,010,344)	396,125,381,788
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		54,272,989,358	500,567,495,676
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	295,636,710,483	137,253,411,069
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(714,687,889)	108,631,977
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	349,195,011,952	637,929,538,722

Lập, ngày 25 tháng 01 năm 2025

Người lập



Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1 Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ theo Quyết định số 813/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch chứng khoán cho công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã giao dịch là MPC.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 16 công ty con và 1 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 6(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 6.315 nhân viên (1/1/2024: 6.341 nhân viên).

2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3 Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo bình quân tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và đầu tư vào trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng trực tiếp ước tính

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu Công Nghiệp P8, TP Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ III NĂM 2024

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	4 – 10 năm
Phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
Dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đã thanh toán tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 43 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm đến 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí phát sinh liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn tất. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 48 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu Công Nghiệp P8, TP Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ III NĂM 2024

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ các khoản dự phòng đã được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền

(iii) Thu nhập cổ tức

Doanh thu cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp P8, TP Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ III NĂM 2024

- (p) **Chi phí vay**
Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.
- (q) **Báo cáo bộ phận**
Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được trình bày theo hoạt động kinh doanh.
- (r) **Các bên liên quan**
Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các công ty liên quan đề cập tới các cổ đông và các công ty con và công ty liên kết của các cổ đông này.
- (s) **Thông tin so sánh**
Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

4	Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>12/31/2024</u>	<u>1/1/2024</u>
	Tiền mặt	2,304,301,241	116,803,655
	Tiền gửi ngân hàng	58,890,710,711	67,482,906,828
	Các khoản tương đương tiền (*)	288,000,000,000	228,037,000,000
	Cộng	349,195,011,952	295,636,710,483

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng

5	Các khoản đầu tư tài chính	<u>12/31/2024</u>	<u>1/1/2024</u>
(a)	Chứng khoán kinh doanh		
	- Cổ phiếu (*)	8,806,789,411	8,806,789,411
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(5,580,753,017)	(5,580,753,017)
	Cộng	3,226,036,394	3,226,036,394

(*) Chi tiết cổ phiếu nắm giữ:

	Số lượng		Giá trị (VND)		Dự phòng 31/12/2024
	<u>12/31/2024</u>	<u>1/1/2024</u>	<u>12/31/2024</u>	<u>1/1/2024</u>	
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	18	78	180,000	180,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 8	112,000	112,000	5,263,000,000	5,263,000,000	(4,143,000,000)
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh REE	19	19	80,000	80,000	
Công ty cổ phần công nghệ mới Kim Tự Tháp Việt Nam	18,823	18,823	272,941,176	272,941,176	-
Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	163,646	163,646	3,270,588,235	3,270,588,235	(1,437,753,017)
Cộng	294,506	294,566	8,806,789,411	8,806,789,411	(5,580,753,017)

(b)	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn trái phiếu	<u>12/31/2024</u>	<u>1/1/2024</u>
	Trái phiếu ngân hàng Vietcombank (*)	-	5,000,000,000
	Cộng	-	5,000,000,000

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thực hiện điều chỉnh sang dài hạn thể hiện trái phiếu không chuyển đổi mệnh giá 5 tỷ VND do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam phát hành ngày 31 tháng 10 năm 2018. Toàn bộ trái phiếu này sẽ đến hạn hoàn trả vào ngày 31 tháng 10 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu Công Nghiệp P8, TP Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ III NĂM 2024

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty con	Địa chỉ	% Sở hữu	Giá gốc	Dự phòng
CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỦY SẢN MINH PHÁT	TỈNH CÀ MAU -VIỆT NAM	99,17%	595,000,000,000	
CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỦY SẢN MINH QUÍ	TỈNH CÀ MAU -VIỆT NAM	99,5%	199,000,000,000	
CÔNG TY TNHH MTV CHUỐI CUNG ỨNG THỦY SẢN MINH PHÚ	TỈNH HẬU GIANG -VIỆT NAM	100%	20,000,000,000	
CÔNG TY TNHH THUỶ HẢI SẢN MINH PHÚ KIẾN GIANG	TỈNH KIẾN GIANG -VIỆT NAM	99,89%	1,217,050,000,000	646,674,196,337
CÔNG TY TNHH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN MINH PHÚ -LỘC AN	TỈNH BR-VT -VIỆT NAM	100%	1,020,000,000,000	793,258,581,596
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIỒNG THỦY SẢN MINH PHÚ	TỈNH NINH THUẬN -VIỆT NAM	99,775%	264,040,000,000	144,405,348,374
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CHẾ PHẨM SINH HỌC MINH PHÚ	TỈNH CÀ MAU -VIỆT NAM	100%	10,000,000,000	
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM XANH MINH PHÚ	TỈNH HẬU GIANG -VIỆT NAM	100%	39,500,000,000	
CÔNG TY TNHH TÔM CHỨNG NHẬN MINH PHÚ	TỈNH CÀ MAU -VIỆT NAM	66,667%	4,000,000,000	
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO MINH PHÚ	TỈNH KIẾN GIANG -VIỆT NAM	100%	332,200,000,000	6,078,754,654
CÔNG TY TNHH XUẤT KHẨU THỦY SẢN MINH PHÚ	TỈNH CÀ MAU -VIỆT NAM	100%	2,000,000,000	
CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ OTANICS	TỈNH CÀ MAU -VIỆT NAM	51%	51,000,000	
CÔNG TY TNHH THỨC ĂN TÔM XANH MINH PHÚ	TỈNH HẬU GIANG -VIỆT NAM	99.09%	100,000,000,000	
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MINH PHÚ HẬU GIANG	TỈNH HẬU GIANG -VIỆT NAM	98,27%	1,784,399,634,231	
MSEAFOOD CORPORATION	HOA KỲ	90%	323,162,400,000	
EBISUMO LOGISTICS CO., LTD.	TOKYO	100%	11,099,000,000	
Cộng			5,921,502,034,231	1,590,416,880,961

Công ty liên kết
Công ty TNHH DV kỹ thuật nuôi trồng thủy sản
Minh phú Aquamekong

TP HCM -Việt Nam 49% 3,900,000,000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty con	Địa chỉ	% Sở hữu	Giá gốc	Dự phòng
CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỦY SẢN MINH PHÁT	TỈNH CÀ MAU -VIỆT NAM	99,17%	283,450,601,469	
CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỦY SẢN MINH QUÍ	TỈNH CÀ MAU -VIỆT NAM	99,5%	195,000,000,000	
CÔNG TY TNHH MTV CHUỐI CUNG ỨNG THỦY SẢN MINH PHÚ	TỈNH HẬU GIANG -VIỆT NAM	100%	20,000,000,000	
CÔNG TY TNHH THUỶ HẢI SẢN MINH PHÚ KIẾN GIANG	TỈNH KIẾN GIANG -VIỆT NAM	99,89%	1,050,523,813,801	498,111,404,853
CÔNG TY TNHH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN MINH PHÚ -LỘC AN	TỈNH BR-VT -VIỆT NAM	100%	1,020,000,000,000	625,917,816,519
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIỒNG THỦY SẢN MINH PHÚ	TỈNH NINH THUẬN -VIỆT NAM	99,775%	237,040,000,000	137,012,099,149
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CHẾ PHẨM SINH HỌC MINH PHÚ	TỈNH CÀ MAU -VIỆT NAM	100%	10,000,000,000	438,720,336
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM XANH MINH PHÚ	TỈNH HẬU GIANG -VIỆT NAM	100%	37,000,000,000	1,613,186,999
CÔNG TY TNHH TÔM CHỨNG NHẬN MINH PHÚ	TỈNH CÀ MAU -VIỆT NAM	66,667%	4,000,000,000	
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO MINH PHÚ	TỈNH KIẾN GIANG -VIỆT NAM	100%	233,900,000,000	5,135,971,227
CÔNG TY TNHH XUẤT KHẨU THỦY SẢN MINH PHÚ	TỈNH CÀ MAU -VIỆT NAM	100%	2,000,000,000	263,479,506
CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ OTANICS	TỈNH CÀ MAU -VIỆT NAM	51%	51,000,000	
CÔNG TY TNHH THỨC ĂN TÔM XANH MINH PHÚ	TỈNH HẬU GIANG -VIỆT NAM	99.09%	100,000,000,000	
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MINH PHÚ HẬU GIANG	TỈNH HẬU GIANG -VIỆT NAM	98,27%	1,784,399,634,231	
MSEAFOOD CORPORATION	HOA KỲ	90%	323,162,400,000	
EBISUMO LOGISTICS CO., LTD.	TOKYO	100%	11,099,000,000	
Cộng			5,311,626,449,501	1,268,492,678,589

Công ty liên kết
Công ty TNHH DV kỹ thuật nuôi trồng thủy sản
Minh phú Aquamekong

TP HCM -Việt Nam 49% 3,900,000,000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu Công Nghiệp P8, TP Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ III NĂM 2024

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	31/12/2024	1/1/2024
Trái phiếu ngân hàng VietinBank (*)	11,500,000,000	11,500,000,000
	11,500,000,000	11,500,000,000

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành gồm :

Trái phiếu không chuyển đổi mệnh giá 5 tỷ VND phát hành ngày 30 tháng 07 năm 2020, đến hạn hoàn trả ngày 30 tháng 07 năm 2030.

Trái phiếu không chuyển đổi mệnh giá 5 tỷ VND phát hành ngày 18 tháng 11 năm 2021, đến hạn hoàn trả ngày 18 tháng 11 năm 2031.

Trái phiếu không chuyển đổi mệnh giá 1,5 tỷ VND phát hành ngày 20 tháng 07 năm 2023, đến hạn hoàn trả ngày 20 tháng 07 năm 2031.

6 Phải thu của khách hàng	31/12/2024	1/1/2024
(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn		
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	266,067,146,918	43,906,070,563
Công ty Cổ phần Mseafood	226,962,359,273	242,890,065,804
Cty TNHH Chế Biến Thủy Sản Minh Quý	1,947,640,680	-
EBISUMO LOGISTICS CO.,LTD	38,774,030,268	70,381,707,635
Các khách hàng khác	473,294,252,054	335,220,285,098
	1,007,045,429,193	692,398,129,100

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan	31/12/2024	1/1/2024
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	266,067,146,918	43,906,070,563
Mseafood Corporation	226,962,359,273	242,890,065,804
Cty TNHH Chế Biến Thủy Sản Minh Quý	1,947,640,680	-
Công ty TNHH Kho vận Ebisumo	38,774,030,268	70,381,707,635
Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú	6,577,925,880	921,680,000
Công ty TNHH Xuất Khẩu Thủy Sản Minh Phú	44,000,000	44,000,000

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và phải thu trong vòng 15-90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn

7 Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/12/2024	1/1/2024
Cho Vay (*)	170,700,000,000	141,983,309,684

(*) Là khoản cho Công ty con vay để bổ sung vốn phục vụ cho hoạt động nuôi trồng thủy sản thời hạn 1 năm, lãi suất 6%/năm

8 Các khoản phải thu khác	31/12/2024	1/1/2024
Thu nhập lãi tiền gửi, cho vay phải thu	110,000	1,255,356,027
Cổ tức phải thu từ công ty con	63,201,628,855	67,026,934,550
Ký quỹ ngắn hạn (*)	450,000,000	950,000,000
Tạm ứng	1,551,426,982	377,718,043
Phải thu khác	8,010,822,470	6,325,786,959
Cộng	73,213,988,307	75,935,795,579

(*) Khoản ký quỹ ngắn hạn cho Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau liên quan đến các dự án đầu tư mở rộng và xây dựng nhà máy của Tập đoàn .

9 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi					
Nợ quá hạn	Số ngày quá hạn	Giá gốc	Số dự phòng	Số đã hoàn nhập	Dự phòng 31/12/2024
H.T. Foods Pvt Ltd	Trên 2 năm	9,485,495,710	(9,485,495,710)	-	(9,485,495,710)

10 Hàng tồn kho	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	87,336,842,779		59,210,061,455	(1,665,891,321)
Thành phẩm, hàng hóa	1,019,947,556,835		1,884,284,056,135	(30,534,141,603)
Cộng	1,107,284,399,614	-	1,943,494,117,590	(32,200,032,924)

Tất cả hàng tồn kho dùng để thế chấp tại các ngân hàng thương mại để đảm bảo cho các khoản vay của tập đoàn (thuyết minh số 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu Công Nghiệp P8, TP Cà Mau
BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ III NĂM 2024

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau :

Số đầu năm	(32,200,032,924)
Tăng trong kỳ	
Hoàn nhập trong kỳ	32,200,032,924
Số cuối kỳ	-

11 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm thiết bị văn phòng, công cụ và dụng cụ được phân bổ trong khoảng thời gian tối đa 01 năm.

12 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cần trừ	Số dư cuối kỳ
Thuế nhập khẩu	761,228,693	-	-	-	761,228,693
Thuế TNDN	205,671,630	-	-	-	205,671,630
Thuế khác	566,029,500	3,311,123,778	-	-	3,877,153,278
Cộng	1,532,929,823	3,311,123,778	-	-	4,844,053,601

13 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	174,476,727,736	324,080,426,345	91,368,561,725	20,069,475,690	609,995,191,496
Tăng trong kỳ	23,826,506,300	12,539,698,347	6,488,286,042	948,780,000	43,803,270,689
Mua mới	1,061,460,238	3,235,536,500	1,840,656,042	948,780,000	6,289,220,138
XDCB hoàn thành	22,765,046,062	9,304,161,847	4,647,630,000	-	36,716,837,909
Giảm trong kỳ	-	(16,164,207,033)	(3,582,520,000)	-	(19,746,727,033)
Thanh lý	-	(16,164,207,033)	(3,582,520,000)	-	(19,746,727,033)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	198,303,234,036	320,455,917,659	94,274,327,767	21,018,255,690	634,051,735,152

Giá trị hao mòn	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	101,433,253,744	248,959,567,808	51,857,455,416	15,848,763,310	418,099,040,278
Tăng trong kỳ	9,442,256,433	19,881,501,313	6,936,174,482	1,032,266,100	37,292,198,328
Khấu hao trong kỳ	9,442,256,433	19,881,501,313	6,936,174,482	1,032,266,100	37,292,198,328
Giảm trong kỳ	-	(15,710,015,303)	(3,509,520,000)	-	(19,219,535,303)
Thanh lý	-	(15,710,015,303)	(3,509,520,000)	-	(19,219,535,303)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	110,875,510,177	253,131,053,818	55,284,109,898	16,881,029,410	436,171,703,303

Giá trị còn lại	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	73,043,473,992	75,120,858,537	39,511,106,309	4,220,712,380	191,896,151,218
Số cuối kỳ	87,427,723,859	67,324,863,841	38,990,217,869	4,137,226,280	197,880,031,849

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (thuyết minh số 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu Công Nghiệp P8, TP Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ III NĂM 2024

14 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Phần mềm & TSVH khác	Cộng
Số đầu năm	31,431,940,512	3,334,605,618	34,766,546,130
Tăng trong kỳ	-	1,082,255,000	1,082,255,000
Mua mới	-	1,082,255,000	-
XDCB hoàn thành	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Thanh lý	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số cuối kỳ	31,431,940,512	4,416,860,618	35,848,801,130
Giá trị hao mòn	Quyền sử dụng đất	Phần mềm & TSVH khác	Cộng
Số đầu năm	15,044,331,716	2,813,690,618	17,858,022,334
Tăng trong kỳ	185,541,345	1,486,689,323	1,672,230,668
Khấu hao trong kỳ	185,541,345	1,486,689,323	1,672,230,668
Giảm trong kỳ	-	-	-
Thanh lý	-	-	-
Kết chuyển giảm khác	-	-	-
Số cuối kỳ	15,229,873,061	4,300,379,941	19,530,253,002
Giá trị còn lại	Phần mềm máy vi tính	Phần mềm & TSVH khác	Cộng
Số đầu năm	16,387,608,796	520,915,000	16,908,523,796
Số cuối kỳ	16,202,067,451	116,480,677	16,318,548,128

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (thuyết minh số 20)

15 Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	
Số đầu năm	100,424,595,075
Tăng trong kỳ	19,748,800,937
Chuyển sang tài sản hữu hình	(36,716,837,909)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-
Chuyển vào chi phí trong kỳ	(845,377,101)
Số dư cuối kỳ	82,611,181,002

16 Tài sản dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn	
Số đầu năm	35,164,834,358
Tăng trong kỳ	8,578,093,077
Chuyển sang từ XDCB dở dang	-
Phân bổ trong kỳ	(10,165,339,671)
Số dư cuối kỳ	33,577,587,764

Các chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các loại: Công cụ, dụng cụ và thiết bị văn phòng chưa kết chuyển hết, được phân bổ dần trong khoảng thời gian từ 1 năm đến 3 năm.

17 Các khoản phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

Nhà Cung cấp	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
CTy TNHH Chế Biến Thủy Sản Minh Quý	23,240,000,000	23,240,000,000	16,840,235,640	16,840,235,640
CTy TNHH ITV CCU thủy sản Minh Phú	1,307,405,340	1,307,405,340	1,606,465,014	1,606,465,014
CTY CỔ PHẦN HẠNH MINH THI-LONG AN	5,054,605,437	5,054,605,437	5,105,333,326	5,105,333,326
CTy TNHH ITV XD & TM Tuệ Phương Linh	1,280,047,210	1,280,047,210	15,625,270,153	15,625,270,153
CTy TNHH ITV THỦY HẢI SẢN CHÍ LINH	5,151,736,841	5,151,736,841	4,344,059,784	4,344,059,784
Nhà cung cấp khác	100,895,827,929	100,895,827,929	62,833,539,557	62,833,539,557
Cộng	136,929,622,757	136,929,622,757	106,354,903,474	106,354,903,474

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu Công Nghiệp P8, TP Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ III NĂM 2024

(b) Phải trả người bán là bên liên quan	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Cty TNHH Chế Biến Thủy Sản Minh Phát		-	3,480,000,000	3,480,000,000
Cty TNHH Chế Biến Thủy Sản Minh Quý	23,240,000,000	23,240,000,000	16,840,235,640	16,840,235,640
Cty TNHH THS Minh Phú Kiên Giang	13,788,904,193	13,788,904,193	663,163,400	663,163,400
Cty TNHH SX Giống TS Minh Phú.	77,537,477	77,537,477	273,690,187	273,690,187
Cty TNHH MTV CCU Thủy Sản Minh Phú	1,307,405,340	1,307,405,340	1,606,465,014	1,606,465,014
Cty TNHH xã hội tôm chứng nhận Minh Phú	4,115,618,462	4,115,618,462	1,467,189,782	1,467,189,782
Cty TNHH XK Thủy Sản Minh Phú	1,304,587,754	1,304,587,754	2,235,803,106	2,235,803,106

Khoản phải trả các công ty con liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và hoàn trả khi có yêu cầu

18 Thuế phải nộp Ngân Sách Nhà Nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số đã cần trừ	Số dư cuối kỳ
Thuế GTGT	-	-	-	-	-
Thuế TNCN	5,692,712,453	20,125,358,287	(16,475,970,854)	-	9,342,099,886
Cộng	5,692,712,453	20,125,358,287	(16,475,970,854)	-	9,342,099,886

19 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
Cổ tức phải trả	292,174,810,424	2,598,649,675
Phải trả liên quan đến chương trình ESOP	3,876,249,725	8,607,249,725
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, BHTN, kinh phí công đoàn	2,919,298,689	1,865,221,476
Phải trả khác	438,208,775	1,683,559,100
Cộng	299,408,567,613	14,754,679,976

20 Vay ngắn hạn

	31/12/2024	1/1/2024
Ngân hàng TMCP Vietinbank -CN Cà mau	1,156,543,698,001	983,739,336,928
Ngân hàng TMCP Ngoại thương -Cà mau	390,495,978,170	786,611,837,292
Ngân hàng BIDV-Cà mau	80,406,263,583	103,718,970,982
Cộng	1,627,445,939,754	1,874,070,145,202

Biến động các khoản vay trong kỳ như sau:

Số đầu năm	1,874,070,145,202
Vay trong kỳ	6,515,532,211,549
Trả trong kỳ	(6,764,703,221,893)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	2,546,804,896
Số cuối kỳ	1,627,445,939,754

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động, Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, một số máy móc thiết bị, hàng tồn kho và các khoản phải thu (tương ứng với tỷ lệ dư nợ từng thời điểm) và tài sản hình thành từ vốn vay).

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động, Khoản vay này được thế chấp bằng hàng tồn kho và công nợ tương ứng với tỷ lệ dư nợ từng thời điểm.

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động, Khoản vay này được thế chấp bằng hàng tồn kho và công nợ tương ứng với tỷ lệ dư nợ từng thời điểm.

21 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu Công Nghiệp P8, TP Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MỆ QUÝ III NĂM 2024

Số đầu năm	36,194,142,791
Trích lập trong kỳ	19,388,032,735
Sử dụng trong kỳ	(28,624,024,324)
Tăng khác	18,577,835,367
Giảm khác	-
Số cuối kỳ	45,535,986,569

22 Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	3,998,873,000,000	292,399,641,421	-	15,781,800,630	1,106,567,951,183	5,413,622,393,234
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	34,540,887,910	34,540,887,910
Phát hành cổ phiếu	10,510,000,000	-	-	-	-	10,510,000,000
Thu hồi cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(292,174,810,424)	(292,174,810,424)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	77,552,130,941	(77,552,130,941)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(19,388,032,735)	(19,388,032,735)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(30,740,947,919)	-	(30,740,947,919)
Tăng/giảm khác	-	(130,000,000)	-	-	(22,402,161,203)	(22,532,161,203)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	4,009,383,000,000	292,269,641,421	-	62,592,983,652	729,591,703,790	5,093,837,328,863
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	3,998,873,000,000	292,399,641,421	-	57,363,079,045	1,281,491,010,112	5,630,126,730,578
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	(10,569,377,579)	(10,569,377,579)
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
Thu hồi cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(159,686,040,772)	(159,686,040,772)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(41,581,279,465)	-	(41,581,279,465)
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	(4,667,639,528)	(4,667,639,528)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	3,998,873,000,000	292,399,641,421	-	15,781,799,580	1,106,567,952,233	5,413,622,393,234

23 Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
*Cổ phiếu phổ thông	400,938,300	399,887,300
* Phát hành tăng vốn cổ phần	-	-
Cổ phiếu quỹ		
*Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
*Cổ phiếu phổ thông	400,938,300	399,887,300

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu Công Nghiệp P8, TP Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ III NĂM 2024

24 Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng doanh nghiệp trong tương lai.

Biến động quỹ đầu tư phát triển trong kỳ như sau :

Số đầu năm	15,781,800,630
Trích lập trong kỳ	77,888,057,104
Sử dụng trong kỳ	(31,076,874,082)
Giảm khác	-
Số cuối kỳ	62,592,983,652

THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

25 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	2,245,202,004,052	8,489,278,359,306
Hàng bán bị trả lại & giảm giá hàng bán	(1,162,465,784)	(37,820,855,069)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,244,039,538,268	8,451,457,504,237

26 Giá vốn hàng bán

Là giá vốn thành phẩm, hàng hóa nguyên vật liệu đã cung cấp

27 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Lãi tiền gửi	2,628,860,355	7,232,006,041
Lãi chênh lệch tỷ giá	14,685,382,775	38,507,358,572
Doanh thu khác	415,180,486	608,701,171
Cổ tức thu được từ công ty con	11,025,000,000	350,628,844,040
Trong đó :		
Công ty TNHH thức ăn tôm xanh Minh Phú	11,025,000,000	25,235,000,000
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	-	13,650,000,000
Công ty Cổ phần Xã hội Chuối Tôm Rừng Minh Phú	-	3,000,000,000
Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú	-	27,000,000,000
Công ty Cổ Phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	-	270,043,844,040
Công ty TNHH sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	-	7,200,000,000
Công ty TNHH thực phẩm xanh Minh Phú	-	4,500,000,000
Cộng	28,754,423,616	396,976,909,824

28 Chi phí tài chính

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí lãi vay	16,839,319,362	67,949,740,925
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7,825,728,102	60,293,261,210
Chi phí tài chính khác	200,800	798,823
Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con	102,312,442,590	324,239,589,213
Công ty TNHH Thủy Hải Sản Minh Phú Kiên Giang	27,415,975,808	148,562,791,484
Công ty TNHH nuôi trồng Thủy sản Minh Phú -Lộc An	72,879,807,168	167,340,765,077
Công ty TNHH Sản xuất Giống Thủy sản Minh Phú	2,016,659,614	7,393,249,225
Công ty CP NN công nghệ cao Minh Phú	-	942,783,427
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con	-	(2,315,386,841)
Công Ty TNHH Sản Xuất Chế Phẩm Sinh Học Minh Phú	-	(438,720,336)
Công Ty TNHH Thực Phẩm Xanh Minh Phú	-	(1,613,186,999)
Công Ty TNHH Xuất Khẩu Thủy Sản Minh Phú	-	(263,479,506)
Cộng	126,977,690,854	450,168,003,330

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu Công Nghiệp P8, TP Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ III NĂM 2024

29 Chi phí bán hàng	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí nhân viên	4,678,476,838	19,531,955,122
Chi phí vật liệu, bao bì	33,963,471	275,301,405
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,019,230	22,692,307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81,478,908,291	364,968,463,828
Chi phí khác	8,850,342,547	32,152,274,955
Cộng	95,048,710,377	416,950,687,617

30 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí cho nhân viên	13,310,455,127	54,750,497,808
Chi phí đồ dùng văn phòng	3,529,954,824	13,613,681,540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,192,064,988	4,963,016,163
Chi phí khác	6,857,184,049	25,961,078,447
Cộng	24,889,658,988	99,288,273,958

31 Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 10% lợi nhuận chịu thuế cho hoạt động chế biến và sản xuất các sản phẩm thủy sản và 20% cho hoạt động thương mại.

32 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

33 Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Mseafood Corporation	Công ty con
Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú - Hậu Giang	Công ty con
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Công ty con
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Công ty con
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	Công ty con
Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Công ty con
Công ty TNHH SX chế phẩm sinh học Minh Phú	Công ty con
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú –Lộc An	Công ty con
Công ty TNHH ITV chuỗi cung ứng thủy sản Minh Phú	Công ty con
Công ty TNHH thức ăn tôm xanh Minh Phú	Công ty con
Công ty TNHH thực phẩm xanh Minh Phú	Công ty con
Công ty TNHH xã hội tôm chứng nhận Minh Phú	Công ty con
Công ty cổ phần Nông Nghiệp CN cao Minh Phú	Công ty con
Ebisumo Logistics Co , Ltd	Công ty con
Công Ty TNHH Xuất Khẩu Thủy Sản Minh Phú	Công ty con
Công ty cổ phần Công Nghệ OTANICS	Công ty con
Công ty TNHH DV kỹ thuật nuôi trồng thủy sản Minh Phú Aquamekong	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư Long Phụng	Công ty liên quan có cùng Chủ tịch HĐQT

Nghiệp vụ mua bán phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

34 Hoạt động bán hàng

	Mặt hàng	Kỳ báo cáo
Mseafood Corporation	Tôm thành phẩm	296,192,968,618
Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú - Hậu Giang	Tôm thành phẩm, vật liệu và dịch vụ	301,420,293,077
Ebisumo Logistics Co , Ltd	Tôm thành phẩm	80,805,794,847
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Tôm thành phẩm & dịch vụ	189,224,942,072
Công ty TNHH thực phẩm xanh Minh Phú	Tôm thành phẩm và vật liệu	23,393,046,160
Công Ty TNHH Xuất Khẩu Thủy Sản Minh Phú	Cho thuê	120,000,000
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Cho thuê	24,064,818,149
Cộng		915.221.862.923

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu Công Nghiệp P8, TP Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ III NĂM 2024

35 Hoạt động mua hàng

Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý
 Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát
 Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú - Hậu Giang
 Công ty TNHH 1TV chuỗi cung ứng thủy sản Minh Phú
 Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú - Lộc An
 Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang
 Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú
 Công ty TNHH xã hội tôm chứng nhận Minh Phú
 Công Ty TNHH Xuất Khẩu Thủy Sản Minh Phú
 Công ty TNHH thực phẩm xanh Minh Phú

Cộng

Mặt hàng

Dịch vụ
 Dịch vụ
 Tôm thành phẩm, vật liệu và dịch vụ
 Tôm NL và Dịch vụ
 Tôm NL và Dịch vụ
 Tôm NL
 Dịch vụ
 Tôm NL và dịch vụ
 Dịch vụ
 Tôm thành phẩm

Kỳ báo cáo

1,800,000,000
 2,400,000,000
 157,776,889,180
 8,425,918,435
 9,543,950,573
 20,147,069,887
 379,529,180
 112,902,122,760
 4,557,693,488
317,933,173,503

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận, Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

36 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

37 Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, Công ty sẽ áp dụng các quy định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ và báo cáo tài chính năm. Ngoài ra Công ty cũng áp dụng trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập

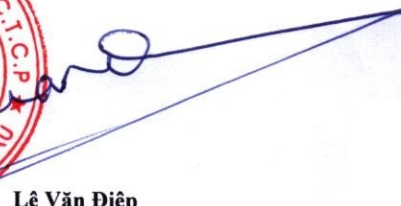


Lê Quang Huy
 Kế toán tổng hợp

Lập, ngày 25 tháng 01 năm 2025



Lưu Minh Trung
 Kế toán trưởng

Lê Văn Điệp
 Phó Tổng Giám đốc

THƯ GIẢI TRÌNH

(V/v biến động lợi nhuận riêng công ty mẹ Quý IV năm 2024 so với cùng kỳ)

KÍNH GỬI : - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
 - **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ vào chương III, điều 14, khoản 4(a,b) thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán .

Nay, Tập đoàn thủy sản Minh Phú (Mã CK : MPC) giải trình chênh lệch lợi nhuận trên báo cáo tài chính riêng công ty mẹ năm Quý IV năm 2024 so với cùng kỳ năm trước như sau :

CHỈ TIÊU	QUÝ IV-2024	QUÝ IV-2024
Lợi nhuận sau thuế	(100.892.811.693)	(17.775.947.540)

Nguyên nhân:

- Dự phòng tổn thất vào các công ty con sản xuất tôm giống và nuôi tôm thương phẩm.

Trên đây là nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ lỗ trong kỳ báo cáo và giảm trên 10% so với cùng kỳ năm trước./.

Trân trọng kính chào .

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu VT

Cà Mau, ngày 25 tháng 1 năm 2025
TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
P. TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN ĐIỆP

TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
KCN P8, TP. CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU
ĐT: 0290.3839.391 Fax: 0290.3833.119
SỐ: 01/2023/UQBCTC-MPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

* * * * *

Cà Mau, ngày 10 tháng 01 năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ khả năng, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật, nay:

TÔI : LÊ VĂN QUANG

Sinh ngày: 28/10/1958

CCCD số: 022058000698, Ngày cấp 21/12/2021, Do Cục trưởng Cục Cảnh Sát QLHC và TTXH cấp

Địa chỉ thường trú: 82, Đường số 2, Cư xá Đô Thành, P4, Q3, TP.HCM

Chức vụ: Tổng Giám đốc, và là người đại diện theo pháp luật của của **Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú** (GPKD số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 01/11/2022).

Nay tôi đồng ý ủy quyền cho:

Ông: LÊ VĂN ĐIỆP

CCCD số: 096072015834, Ngày cấp 28/06/2021 Nơi cấp: Cục Trường Cục CSQLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 212 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, TP. Cà Mau

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công Ty Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú kiêm Tổng Giám đốc Nhà Máy MPCM và MPHG

Thay tôi thực hiện các công việc trong phạm vi như sau:

+ Ký các hồ sơ, sổ sách chứng kế toán nhà máy MPCM và MPHG

+ Ký các báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, báo cáo tài chính hợp nhất quý, báo cáo tài chính kiểm toán soát xét giữa niên độ, Báo cáo tài chính kiểm toán năm của Công Ty Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú.

Người được ủy quyền có nghĩa vụ phải thực hiện các công việc được ủy quyền trên theo đúng: (i) Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật có liên quan. (ii) Chịu trách nhiệm trước HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công Ty và pháp luật về công việc được ủy quyền nêu trên ./

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 10/01/2026.



LÊ VĂN QUANG

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

LÊ VĂN ĐIÊP